TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày: 23 - 01 - 2019
"*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm* có:**
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông La Văn Việt.
2. Bà Trương Thị Kim Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 482/2018/TLST – DS ngày 16 tháng 8 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 06/2019/QĐXXST – DS, ngày 10 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn***:** Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng VN (gọi tắt là Ngân hàng).

Trụ sở: Số 145- 147-149, đường Hùng V, Phường 2, thành phố TA, tỉnh LA.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Quyết T – Giám đốc khối công nợ Ngân hàng theo giấy ủy quyền số 13/2017/GUQ-CTHĐTV ngày 01/9/2017 (Giấy ủy quyền thường xuyên).

Địa chỉ: Số 10, đường Lý Tự Tr, phường Bến N, Quận 1, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Huy T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 10, đường Lý Tự Tr, phường Bến N, Quận 1, Thành phố H (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/8/2018).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng D (Gượng), sinh năm 1940.
Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1942.

Cùng địa chỉ: Ấp Giồng L, xã Mỹ Hạnh N, huyện ĐH, tỉnh LA.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Võ Thị Q, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp Giồng L, xã Mỹ Hạnh N, huyện ĐH, tỉnh LA.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Q tham gia tố tụng: Ông Võ Thanh T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp Giồng L, xã Mỹ Hạnh N, huyện ĐH, tỉnh LA (theo văn bản ủy quyền ngày 31/8/2018).

3.2 Chị Cao Anh Th, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu vực 5, thị trấn ĐH, huyện ĐH, tỉnh LA.

(Ông Toàn, ông D, bà Nh có mặt; Ông Tâm, chị Th xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/8/2018 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Trần Huy T đại diện cho Ngân hàng trình bày: Ngày 13/8/2012, Ngân hàng có cho ông D và bà Nh vay số tiền là 90.000.000đ thời hạn vay là 13 tháng với lãi suất cho vay (trong hạn: 1,35%/tháng; Quá hạn: 150% lãi suất trong hạn) theo hợp đồng tín dụng số 0211202AA0015 và phụ lục hợp đồng số 021/02/2014/PLHĐTD ngày 27/01/2014. Ông D và bà Nh có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất số AI 528141 va AI 528142, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất số H 03305 và H 03304 do UBND huyện Đức Hòa cấp ngày 02/02/2007 theo hợp đồng thế chấp số 021/78/2012/HĐTC ngày 13/8/2012. Thực hiện hợp đồng, ông D và bà Nh thường xuyên vi phạm hợp đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông D và bà Nh có trách liên đới trả số tiền là 80.952.500đ (Trong đó, nợ gốc 20.000.000đ; lãi suất quá hạn 60.952.500đ) lãi suất tính đến ngày 23 tháng 01 năm 2019. Ngoài ra, ông T yêu cầu ông D và bà Nh phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc từ ngày 24 tháng 01 năm 2019 cho đến khi ông D và bà Nh trả hết nợ.

Tại lời trình bày của ông D và bà Nh: Ông D và bà Nh xác nhận, có vay Ngân hàng số tiền 90.000.000đ và các khoản thanh toán như Ngân hàng đã trình bày nhưng ông D và bà Nh cho rằng đứng ra vay dùm cho bà Q và ông D và bà Nh chỉ vay ké số tiền 30.000.000đ nên đến ngày 27/01/2014 thì ông D và bà Nh trả số tiền 30.000.000đ và lấy lại 01 giấy chứng nhận QSD đất đã thế chấp cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông D và bà Nh có trách nhiệm liên đới trả số tiền là 80.952.500đ (Trong đó, nợ gốc 20.000.000đ; lãi suất quá hạn 60.952.500đ) lãi suất tính đến ngày 23 tháng 01 năm 2019 thì ông D và bà Nh không đồng ý vì ông D và bà Nh cho rằng đây là phần tiền bà Q vay nên bà Q phải trả còn phần tiền 30.000.000đ mà ông D và bà Nh thì đã trả xong.

Tại lời trình bày của bà Võ Thị Q do ông Võ Thanh T đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 15/8/2012, bà Q có mượn của ông D và bà Nh số tiền 60.000.000đ và có làm giấy mượn giấy chứng nhận QSD đất để làm tin. Ngày 03 tháng 8 năm

2017 và ngày 06 tháng 12 năm 2017, bà Q đã liên hệ với ông D để trả bớt nợ và được ông D kêu đem tiền đi trả cho Ngân hàng nên có thay ông D trả cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 40.000.000đ do bà Q trả tiền cho ông D nhưng ông D bảo còn nợ Ngân hàng nên đem ra trả tại Ngân hàng. Nay ông D cho rằng bà Q mượn tiền Ngân hàng 60.000.000đ thì bà Q không đồng ý vì khi ông D mượn tiền về nhà thì bà Q mới biết qua mượn của ông D. Ngoài ra, bà Q không yêu cầu ông D trả lại số tiền 40.000.000đ mà bà Q đã trả cho Ngân hàng thay ông D.

Tại lời trình bày của chị Cao Anh Th: Chị Th là nhân viên kế toán của Ngân hàng, chị Th xác định ngày 03 tháng 8 năm 2017 và ngày 06 tháng 12 năm 2017 thì anh T có đem đến Ngân hàng trả nợ cho phần vay của ông D tổng số tiền 40.000.000đ. Khi ông T đến yêu cầu trả nợ và đọc tên người vay thì chị tra trên hồ sơ có thấy hồ sơ vay của ông D và anh T trả nhưng ký tên bên người trả tiền là ký và ghi tên ông D. Nay giữa ông D và ông T phát sinh tranh chấp thì chị không có ý kiến gì và xin vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa:

Vê tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đưa đúng và đầy đủ người vào tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ và điều tra làm rõ vụ án được tiến hành khách quan, đúng pháp luật; việc thụ lý là đúng thẩm quyền; không có đương sự khiếu nại trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng ngày 13/8/2012; phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 27/01/2014 và hợp đồng thế chấp ngày 13/8/2012, xác định ông D, bà Nh có vay của Ngân hàng số tiền 90.000.000đ và thế chấp lại tài sản là giấy chứng nhận QSD đất. Thực hiện hợp đồng, ông D, bà Nh có trả cho Ngân hàng được số tiền 70.000.000đ còn số tiền 20.000.000đ đến nay chưa thanh toán. Ông D, bà Nh cho rằng cho bà Q mượn giấy chứng nhận QSD đất để đi vay Ngân hàng nhưng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh. Ngoài ra, căn cứ vào giấy mượn giấy chứng nhận QSD đất ghi ngày 15/8/2012 là phù hợp với lời trình bày của bà Q là có mượn ông D, bà Nh số tiền 60.000.000đ và ghi giấy mượn giấy chứng nhận QSD đất để làm tin. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tung:

[1.1] Quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" Bị đơn ông Nguyễn Hoàng D và bà Trần Thị Nh có hộ khẩu thường trú tại ấp Giồng L, xã Mỹ Hạnh N, huyện ĐH, tỉnh LA nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA.

[1.2] Ông Võ Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Q và chị Cao Anh Th xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, chị Th.

[1.3] Tại phiên tòa ngày hôm nay, bà Q xin rút phần yêu cầu độc lập của mình nhưng nguyên đơn và bị đơn không có ý kiến gì. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện của bà Q tại phiên tòa ngày hôm nay là phù hợp với quy định tại Điều 5 và Điều 244 của BLTTDS nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Qua yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 0211202AA0015 ngày 13/8/2012 và phụ lục hợp đồng số 021/02/2014/PLHĐTD ngày 27/01/2014, xác định ông D và bà Nh có vay của Ngân hàng số tiền 90.000.000đ, thời hạn vay là 13 tháng với lãi suất cho vay (trong hạn: 1,35%/tháng; Quá hạn: 150% lãi suất trong hạn). Ông D và bà Nh có thế chấp giấy chứng nhận QSD đất số L282298, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất số đất số AI 528141 va AI 528142, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất số H 03305 và H 03304 do UBND huyện Đức Hòa cấp ngày 02/02/2007. Thực hiện hợp đồng, ông D và bà Nh thường xuyên vi phạm hợp đồng. Nay ông Trần Huy T đại diện cho Ngân hàng yêu cầu ông D và bà Nh có trách nhiệm liên đới trả số tiền là 80.952.500đ tính (Trong đó, nợ gốc 20.000.000đ; lãi suất quá hạn 60.952.500đ) lãi suất tính đến ngày 23 tháng 01 năm 2019. Xét thấy việc ông D và bà Nh nợ Ngân hàng đã lâu mà không có thiện chí trả nợ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải buộc ông D và bà Nh có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng số tiền 80.952.500đ tính (Trong đó, nợ gốc 20.000.000đ; lãi suất quá hạn 60.952.500đ) lãi suất tính đến ngày 23 tháng 01 năm 2019 là phù hợp với quy định tại Điều 466 của BLDS. Ngoài ra, ông D và bà Nh cho rằng cho bà Q mượn giấy chứng nhận QSD đất để đi vay Ngân hàng và ông D, bà Nh chỉ vay ké vào đó số tiền 30.000.000đ nhưng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh. Mặt khác, căn cứ vào giấy mượn giấy chứng nhận QSD đất ghi ngày 15/8/2012 là phù hợp với lời trình bày của bà Q là có mượn ông D, bà Nh số tiền 60.000.000đ và ghi giấy mượn giấy chứng nhận QSD đất để làm tin nên Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của ông D, bà Nh là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Đối với số tiền 60.000.000đ ông D cho bà Q mượn được bà Q thừa nhận nhưng ông D, bà Nh không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác

[2.3] Đối với số tiền 40.000.000đ mà bà Q đã thay ông D trả nợ cho Ngân hàng nhưng bà Q không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác

[2.4] Đối với tài sản thế chấp là QSD đất số L282298, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất số đất số AI 528141 va AI 528142, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất số H 03305 và H 03304 do UBND huyện Đức Hòa cấp ngày

02/02/2007 theo hợp đồng thế chấp số 021/78/2012/HĐTC ngày 13/8/2012 thì Ngân hàng được tiếp tục giữ lại để đảm bảo cho công tác thi hành án.

[2.5] Về chi phí xem xét, thẩm định: Ngân hàng có nộp số tiền 1.000.000đ đã đi xem xét thẩm định chi phí xong nên buộc ông D, bà Nh có nghĩa vụ nộp để trả lại cho Ngân hàng.

[3] Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Võ Thị Q đối với ông Nguyễn Hoàng D và bà Trần Thị Nh.

[4] Về án phí trong vụ án: Ông Nguyễn Hoàng D và bà Trần Thị Nh không phải chịu theo quy định tại điểm khoản 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 92, 144, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS sự;

Căn cứ vào các Điều 424, 427, 466 của BLDS;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2, 3 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng có hiệu lực ngày 01/01/2011;

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên Xử:

Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Võ Thị Q đối với ông Nguyễn Hoàng D và bà Trần Thị Nh.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng VN về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với ông Nguyễn Hoàng D và bà Trần Thị Nh.

Buộc ông Nguyễn Hoàng D và bà Trần Thị Nh trả cho Ngân hàng Thương mại thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng VN số tiền 80.952.500đ tính (Trong đó, nợ gốc 20.000.000đ; lãi suất quá hạn 60.952.500đ) lãi suất tính đến ngày 23 tháng 01 năm 2019.

Kể từ ngày 24/01/2019 cho đến khi ông Nguyễn Hoàng D và bà Trần Thị Nh thanh toán xong số tiền trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu ông Nguyễn Hoàng D và bà Trần Thị Nh trả thêm tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 0211202AA0015 ngày 13/8/2012 và phụ lục hợp đồng số 021/02/2014/PLHĐTD ngày 27/01/2014 cho đến khi ông Nguyễn Hoàng D và bà Trần Thị Nh trả hết nợ.

Ngân hàng Thương mại thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng VN được giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số đất số AI 528141 va AI 528142, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 03305 và H 03304 do UBND huyện Đức Hòa cấp ngày 02/02/2007 đến khi ông Nguyễn Hoàng D và bà Trần Thị Nh thi hành xong số tiền nêu trên.

Nếu ông Nguyễn Hoàng D và bà Trần Thị Nh không thanh toán xong số tiền trên cho Ngân hàng Thương mại thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng VN được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất do ông D đứng tên theo hợp đồng thế chấp số 173/2016/BĐ ngày 27/7/2016.

Về chi phí xem xét, thẩm định: Buộc ông Nguyễn Hoàng D và bà Trần Thị Nh nộp số tiền 1.000.000đ để trả lại cho Ngân hàng Thương mại thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng VN.

Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng D và bà Trần Thị Nh không phải chịu theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng VN số tiền 1.954.000đ tạm ứng án phí tại biên lai thu 3070 ngày 10/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Án này là sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An.
-VKSND huyện Đức Hòa.
-Các đương sự
-Chi cụcTHA.
-Lưu hồ sơ.
-Lưu án văn.-

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Hiệp